TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2018/HNGĐ - ST
Ngày 08 - 11 - 2018
V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Hành**

Ông **Nguyễn Văn Sol**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Văn Mil** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Mỹ P** – sinh năm 1993 (Có mặt)
Cư trú tại: KV2, phường T, Quận T, thành phố CT
- *Bị đơn:* Anh **Đặng Hoàng M**– sinh năm 1991 (Vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp T, tt C, huyện C, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2018 và tại phiên tòa chị Trần Thị Mỹ P trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ P và anh Đặng Hoàng M kết hôn vào ngày 04 tháng 6 năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Quận T, Thành Phố CT. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên sau khi chị sinh con thì vợ chồng về nhà cha, mẹ ruột chị ở CT sinh sống, khi về CT sinh sống thì con chị mắc bệnh khó trị, nên chị phải đi làm để có tiền lo cho con, trong lúc giao dịch làm ăn thì chị có giao tiếp qua điện thoại với khách hàng. Từ lý do này anh M nghi ngờ và hay ghen tuông vô cớ và thường gây sự với chị. Nay chị xét thấy tình cảm gia đình không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Hoàng M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị P và anh M có với nhau 01 con chung tên Đặng Hoàng Bảo T, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2013 hiện nay con đang sống với chị P. Khi ly hôn chị P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi thành niên, chị P không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị P xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung và nợ riêng: Chị P xác định vợ chồng không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Trần Thị Mỹ P và anh Đặng Hoàng M là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. anh Đặng Hoàng M có địa chỉ cư trú tại Ấp T, tt C, huyện C, tỉnh CM. Do đó Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị P và anh M kết hôn ngày 04 tháng 6 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Quận T, thành phố CT. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì chị Trần Thị Mỹ P có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị P đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh CM thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh CM tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên anh Đặng Hoàng M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án nhân dân huyện C không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh M.

Xét thấy tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M không tin tưởng vợ con và hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên kiếm chuyện gây sự với chị trong khi chị đi làm kiếm tiền lo cho con đang bị bệnh hiểm nghèo, nên chị xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn ý nghĩa và hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Hội đồng xét xử xét thấy anh Đặng Hoàng M đã được thông báo về việc chị P yêu cầu ly hôn với anh, nhưng anh M không có ý kiến và cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu

của chị P. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của anh M và chị P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh M.

Về con chung: chị P xác định vợ chồng có với nhau được 01 con chung tên Đặng Hoàng Bảo T, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2013. Hiện con đang sống với chị P. Sau khi ly hôn chị P yêu cầu tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Bảo T đang sống chung với mẹ và đang mắc bệnh hiểm nghèo cần có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu Đặng Hoàng Bảo T, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2013 cho chị Trần Thị Mỹ P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị P và anh M có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị P và anh M đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị Trần Thị Mỹ P phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị Mỹ P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004602 ngày 17 tháng 7 năm 2018. Chị Trần Thị Mỹ P đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị **Trần Thị Mỹ P** ly hôn với anh **Đặng Hoàng M**.

[2] Về con chung: Giao cháu **Đặng Hoàng Bảo T**, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2013 cho chị Trần Thị Mỹ P tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Đặng Hoàng M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị P và anh M có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị P và anh M đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Chị Trần Thị Mỹ P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004602 ngày 17 tháng 7 năm 2018. Chị Trần Thị Mỹ P đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Hoàng M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND phường Tân Hưng, Quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Khiết